

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hạ Hải Hồ.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Bá Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn H Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1990. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Trần Xuân H, sinh năm 1985. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Trần Anh K, sinh năm 2009. Vắng mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 1, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Đức Phú. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng mà nguyên nhân là do anh H không biết chăm lo cho cuộc sống

gia đình, thường xuyên ăn nhậu, chửi bới đánh đập chị T mỗi khi say rượu; từ đó vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh Hữu, đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và yêu cầu được ly hôn với anh Hữu.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H có người con chung tên Trần Anh K, sinh năm 2009. Cháu K hiện nay đang ở với chị T. Khi ly hôn thì chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

*[2]. Bị đơn – anh Trần Xuân H trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân H và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Đức Phú. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng mà nguyên nhân là do anh H có lúc đi uống rượu về thì vợ chồng có lời qua tiếng lại. Hiện tại chị T đã đưa con chung về nhà cha mẹ ở chứ không còn chung sống với anh H nữa, thời gian này vợ chồng không nói chuyện, cũng không quan tâm chăm sóc gì nhau. Tuy nhiên, hiện tại anh H còn tình cảm yêu thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh H và chị T có người con chung tên Trần Anh Kiệt, sinh năm 2009. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H đồng ý giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T chứ không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

*[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cháu Trần Anh K trình bày:* Cháu K là con của chị T, anh H. Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu K có nguyện vọng được ở với chị T.

*[4]. Những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung, giấy chứng nhận kết hôn và bản tự khai.

- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của anh H và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương.

*[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh phát biểu ý kiến như sau:*

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Xuân H. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Anh K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K thành niên. Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn – chị Trần Thị T và bị đơn – anh Trần Xuân H đều vắng mặt tại phiên Tòa. Trong đó, chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Riêng anh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Xuân H và giải quyết về quyền nuôi người con chung khi ly hôn, ngoài ra các đương sự đều không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại: Thôn 1, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn – chị Trần Thị Thúy*:

Chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phú, huyện Tánh Linh vào năm 2008. Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo nội dung lời khai và ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ, tại các bút lục số 17 và 26, chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Bởi vì sau khi kết hôn, chị T và anh H chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; giữa vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Chị T hiện nay không còn tình cảm gì với anh H, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nên chị T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống mà cương quyết ly hôn. Trong khi đó, thể hiện ý kiến về việc ly hôn tại bút lục số 20, anh H cũng thừa nhận thời gian gần đây, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng mà nguyên nhân là do anh H có lúc đi uống rượu dẫn đến vợ chồng có lời qua tiếng lại. Hiện tại chị T đã đưa con chung về nhà cha mẹ ở chứ không còn chung sống với anh H, thời gian này vợ chồng không nói chuyện, cũng không quan tâm chăm sóc gì nhau. Tuy nhiên, anh H không đồng ý ly hôn với chị Thúy.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng; hiện tại chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm

sóc nhau, yêu thương lẫn nhau; điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại địa phương. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị T hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh Hữu; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc thật sự mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H có người con chung tên Trần Anh K, sinh năm 2009. Hiện nay người con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Trong khi đó, thể hiện ý kiến về con chung tại bút lục số 20 thì anh H cũng đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T. Do đó, cần giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Trần Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Xuân H. Đề nghị giao người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Thúy. Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Xuân H.

- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho chị Trần Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên là Trần Anh K, sinh năm 2009. Anh Trần Xuân H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K thành niên. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

- *Về án phí:*

Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004510, ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc anh Trần Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã Đức Phú (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hạ Hải Hồ**